

E-ĐKC 10**10.1. Tạm ứng**

+ Thời gian chậm nhất là 14 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 20% giá hợp đồng tương ứng số tiền là đồng (Bằng chữ: đồng) sau khi chủ đầu tư nhận được văn bản đề nghị tạm ứng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng. Giá trị tạm ứng sẽ được thu hồi toàn bộ trong đợt thanh toán lần 1.

+ Các quy định về bảo lãnh tạm ứng như sau:

. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương với số tiền tạm ứng.

. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

. Tịch thu Bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

. Trường hợp bên nhận thầu là liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho bên giao thầu.

. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.

+ Việc tính toán, thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi bên nhận thầu đã nhận được tiền tạm ứng.

+ Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký các biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên giao thầu.

10.2. Thanh toán

10.2.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

- Khi tiến hành thanh toán, Bên giao thầu sẽ giữ lại 10% giá trị thực hiện của mỗi lần thanh toán để chờ quyết toán hợp đồng.

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận của hợp đồng (khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh).

- Thanh toán tiền giữ lại: Sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B sau khi Bên A nhận được và các Bên đồng ý ký kết vào 03 bộ Hồ sơ quyết toán hợp đồng này.

10.2.2 Đồng tiền thanh toán: VND.

10.2.3 Số lần thanh toán: Bao gồm 03 đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

	<p>- Đợt 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng sau khi chủ đầu tư nhận được báo cáo chính thức kết quả quan trắc tình trạng bồi lắng lòng hồ và sạt lở bờ hồ, hồ chứa NMTĐ A Vương</p> <p>- Chu kỳ 3 (kể cả các tài liệu liên quan như Nhật ký thi công, số đo, ...).</p> <p>- Đợt 3: Thanh toán 10% giá trị hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành công tác lập hồ sơ quyết toán và được cấp có thẩm quyền của Chủ đầu tư phê duyệt.</p> <p>10.2.4 Thời hạn thanh toán: Bên giao thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Bên giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu. Hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (không yêu cầu xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết); bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu; đề nghị thanh toán, hóa đơn theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:</p> <p>a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.</p> <p>b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc, hoặc 56 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.</p> <p>c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.</p> <p>d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</p>

	<p>đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua của Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng phân xử.</p> <p>e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.</p> <p>f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều kiện chung số 21 Chương VI phần 3 của E-HSMT.</p> <p>Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.</p> <p>g) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSMT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương.</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư trong khoảng thời gian liên tục 56 ngày.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều kiện chung số 10 Chương VI phần 3 của E-HSMT sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua của Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng phân xử.</p> <p>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 20 ngày.</p> <p>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p>